

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: 2412/ĐHQG-KHCN  
V/v Thông báo ban hành tiêu chí đánh  
giá hoạt động KH&CN  
trong ĐHQG-HCM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2016

Kính gửi: Các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) thông báo đến các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM về việc ban hành tiêu chí đánh giá hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) trong ĐHQG-HCM (đính kèm công văn).

Kết quả đánh giá hoạt động KH&CN của các đơn vị theo tiêu chí này là cơ sở để ĐHQG-HCM phân bổ nguồn lực KH&CN và giúp các đơn vị xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển.

ĐHQG-HCM thông báo để các đơn vị biết và triển khai thực hiện.

Trân trọng kính chào./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, Ban KH&CN.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đương Anh Đức**

## TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM

(Đính kèm công văn số 2412 /ĐHQG-KHCN ngày 05 tháng 12 năm 2016)

### 1. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, NGUỒN GỐC SỐ LIỆU

Mục tiêu của việc đánh giá hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) nhằm cung cấp một cách nhìn tổng quát về quá trình và kết quả hoạt động KH&CN của các đơn vị. Kết quả đánh giá là cơ sở để ĐHQG-HCM phân bổ nguồn lực KH&CN, bên cạnh đó giúp các đơn vị xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển.

Bộ tiêu chí đánh giá hoạt động KH&CN áp dụng cho tất cả các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM có hoạt động KH&CN.

Việc đánh giá được tiến hành định kỳ vào tháng 6, tháng 12 hàng năm và căn cứ trên các báo cáo quý, báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN của các đơn vị với đầy đủ minh chứng kèm theo.

### 2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ:

Trong bộ tiêu chí này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

**2.1. Nhân lực KH&CN** (viết tắt TNK): là số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị tham gia hoạt động KH&CN, được phân loại theo trình độ tính đến thời điểm báo cáo, được quy đổi thành nhân lực KH&CN theo công thức sau:

$$TNK = TS + \frac{ThS}{3} + \frac{Số KS/CN}{6}$$

Trong đó:

- Số tiến sỹ đã bao gồm số giáo sư và phó giáo sư.
- Chỉ tính đối với cán bộ ngạch giảng viên (GV), nghiên cứu viên (NCV), *không tính ngạch chuyên viên.*

**2.2. Quy mô nhiệm vụ KH&CN (QKĐ):** Gồm kinh phí từ tất cả các nguồn mà đơn vị nhận được để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, tính theo năm tài chính, đơn vị tính là triệu đồng:

$$QKĐ = \frac{\text{Tổng KP nhiệm vụ KH\&CN}}{\text{Tổng KP SNKH được cấp}^1}$$

**2.3. Năng lực thực hiện nhiệm vụ KH&CN (NTĐ):** là tổng số nhiệm vụ KH&CN thực hiện trong năm của đơn vị được tính điểm quy đổi theo công thức sau:

$$NTĐ = \sum_{i=1}^4 ĐTL_i * HSL_i$$

Với  $ĐTL_i$  là số nhiệm vụ KH&CN loại  $i$  và  $HSL_i$  hệ số nhiệm vụ KH&CN loại  $i$ , cụ thể:

- Nhiệm vụ KH&CN loại 1: gồm các đề tài độc lập, KC, KX, Nghị định thư cấp Nhà nước, A-ĐHQG,... có hệ số 2;
- Nhiệm vụ KH&CN loại 2: gồm các đề tài nghiên cứu cơ bản, cấp tỉnh-thành, hợp tác quốc tế, hợp tác doanh nghiệp, Nafosted, đề án/dự án KH&CN, B-ĐHQG,... và/hoặc có tổng kinh phí từ 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng có hệ số 1;

<sup>1</sup> Tổng kinh phí sự nghiệp khoa học được cấp: theo công văn thông báo chỉ tiêu kinh phí hằng năm của ĐHQG-HCM

- Nhiệm vụ KH&CN loại 3: là các đề tài C-ĐHQG có hệ số 0,5;
- Nhiệm vụ KH&CN loại 4: là các đề tài cấp cơ sở có hệ số 0,1.

**2.4. Điểm sản phẩm quy đổi** (viết tắt ĐQĐ): là tổng sản phẩm được tạo ra từ các hoạt động KH&CN trong năm đánh giá và được tính điểm quy đổi theo công thức sau:

$$\text{ĐQĐ} = \sum_{i=1}^{10} \text{ĐKQ}_i$$

Với ĐKQ<sub>i</sub> là điểm thành phần i trong số 10 thành phần, được tính như sau:

i. **Đối với quy mô nhiệm vụ KHCN (ĐKQ<sub>1</sub>)**

$$\text{ĐKQ}_1 = \frac{QKĐ}{TNK}$$

ii. **Đối với năng lực thực hiện nhiệm vụ KHCN (ĐKQ<sub>2</sub>)**

$$\text{ĐKQ}_2 = \frac{NTĐ}{TNK}$$

iii. **Đối với các ấn phẩm KH&CN (ĐKQ<sub>3</sub>)**

$$\text{ĐKQ}_3 = \sum_{i=1}^{16} AP_i * HSAP_i$$

Ấn phẩm			Hệ số ấn phẩm (HSAP)	Ghi chú
Sách	Nhà xuất bản quốc tế	Sách chuyên khảo	2	_Chất lượng, nội dung & loại hình sách phải có Quyết định công nhận của Thủ trưởng đơn vị, thông qua tư vấn của Hội đồng khoa học.  _ Tham khảo bảng xếp hạng tạp chí của Scimago tại <a href="http://www.scimagojr.com/journalrank.php?openaccess=false">http://www.scimagojr.com/journalrank.php?openaccess=false</a>
		Sách tham khảo	0.5	
	Nhà xuất bản trong nước	Sách chuyên khảo	1	
		Sách giáo trình	0.5	
	Sách tham khảo/sách hướng dẫn/từ điển chuyên ngành	0.2		
Tạp chí	Quốc tế	Thuộc Q1	1	
		Thuộc Q2	0.5	
		Thuộc Q3	0.2	
		Thuộc Q4 và những tạp chí quốc tế còn lại khác	0.1	
	Trong nước	Thuộc DM tính điểm của HĐCDGS	0.1	
		Không thuộc DM tính điểm của HĐCDGS	0.05	
Hội nghị	Quốc tế	0.1		
	Trong nước	0.05		
Sản phẩm cứng	Sản phẩm mẫu (prototype), vật liệu, thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ,...	0.5	Minh chứng: xác nhận đơn vị đang sử dụng	
	Sản phẩm KH&CN đã được thương mại hóa	2	Minh chứng: xác nhận bán tối thiểu 3 SP	
Sản phẩm mềm	Tư vấn, phản biện và dự báo xã hội, xây dựng định hướng chiến lược, chính sách, chủ trương, kế hoạch, quy hoạch phát triển đất nước ở các cấp	0.5	Minh chứng đang ứng dụng	

iv. **Đối với giải thưởng KH&CN (ĐKQ<sub>4</sub>)**

$$\text{ĐKQ}_4 = \sum_{i=1}^4 \text{GT}_i * \text{HSGT}_i$$

Giải thưởng	Hệ số giải thưởng (HSGT)
Quốc tế	2
Quốc gia	
Cấp Nhà nước	2
Cấp Bộ/Ngành	1
Cấp Tỉnh/Thành phố	0.5

v. **Đối với kết quả đào tạo sau đại học (ĐKQ<sub>5</sub>)**

$$\text{ĐKQ}_5 = \sum_{i=1}^3 \text{ĐT}_i * \text{HSĐT}_i$$

Sản phẩm Đào tạo	Hệ số đào tạo (HSĐT)
Thạc sỹ tốt nghiệp từ kinh phí KH&CN	0.1
Góp phần đào tạo tiến sỹ từ kinh phí KH&CN	0.5
Tiến sỹ tốt nghiệp từ kinh phí KH&CN	2

vi. **Đối với tài sản trí tuệ (ĐKQ<sub>6</sub>)**

$$\text{ĐKQ}_6 = \sum_{i=1}^4 \text{TSTT}_i * \text{HSTSTT}_i$$

Tài sản trí tuệ	Hệ số tài sản trí tuệ (HSTSTT)
Đơn đăng ký được chấp nhận	0.1
Được cấp giấy chứng nhận đăng ký (Quyền tác giả, Nhãn hiệu, Chỉ dẫn địa lý)	0.5
Được cấp giấy chứng nhận đăng ký (đối với Quyền tác giả của phần mềm, Kiểu dáng công nghiệp, Thiết kế bố trí mạch tích hợp)	0.75
Được cấp bằng giải pháp hữu ích, Giống cây trồng	1.5
Được cấp bằng sáng chế	2

vii. **Đối với chuyển giao công nghệ (ĐKQ<sub>7</sub>):**

- Năng lực CGCN (NCG):

$$\text{NCG} = \frac{\text{Giá trị CGCN}}{\text{Tổng KP SNKH được cấp}}$$

Trong đó, giá trị CGCN là các hợp đồng cung cấp dịch vụ khoa học công nghệ nói chung của đơn vị

- Điểm quy đổi CGCN (ĐKQ<sub>7</sub>):

$$\text{ĐKQ}_7 = \frac{NCG}{TNK}$$

**viii. Đối với hợp tác trong nước (ĐKQ<sub>8</sub>)**

- Năng lực hợp tác trong nước (NHT):

$$\text{NHT} = \frac{\text{Tổng KP huy động trong nước}}{\text{Tổng KP SNKH được cấp}}$$

Trong đó, tổng KP huy động trong nước là các hợp đồng triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ với địa phương, doanh nghiệp,...

- Điểm quy đổi hợp tác trong nước (ĐKQ<sub>8</sub>):

$$\text{ĐKQ}_8 = \frac{NHT}{TNK}$$

**ix. Đối với hợp tác quốc tế (ĐKQ<sub>9</sub>)**

- Năng lực hợp tác quốc tế (NHQ):

$$\text{NHQ} = \frac{\text{Tổng KP huy động ngoài nước}}{\text{Tổng KP SNKH được cấp}}$$

- Điểm quy đổi hợp tác trong nước (ĐKQ<sub>9</sub>):

$$\text{ĐKQ}_9 = \frac{NHQ}{TNK}$$

**x. Đối với nguồn huy động từ đơn vị (ĐKQ<sub>10</sub>):** áp dụng Nghị định 99/2014/NĐ-CP: Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học

- Năng lực huy động từ đơn vị (NĐV):

$$\text{NĐV} = \frac{\text{Tổng KP huy động từ đơn vị}}{\text{Tổng KP SNKH được cấp}}$$

- Điểm quy đổi hợp tác trong nước (ĐKQ<sub>10</sub>):

$$\text{ĐKQ}_{10} = \frac{NĐV}{TNK}$$

**2.5. Tổng kinh phí KH&CN:** là tổng kinh phí tính từ 02 nguồn

- Nguồn 1: Kinh phí hàng năm các đơn vị nhận được từ ĐHQG-HCM thuộc lĩnh vực KH&CN (gồm kinh phí sự nghiệp khoa học và kinh phí đầu tư phát triển).
- Nguồn 2: Kinh phí do đơn vị huy động từ tất cả các nguồn khác để đầu tư cho lĩnh vực KH&CN (từ đơn vị, từ các tổ chức trong và ngoài nước,...).

### 3. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

TT	Tên tiêu chí	Định nghĩa	Công thức tính	Điểm quy đổi
1	<b>QKĐ:</b> Quy mô nhiệm vụ KH&CN	Là kinh phí mà đơn vị nhận được để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong năm	$QKĐ = \frac{\text{Tổng KP nhiệm vụ KH\&CN}}{\text{Tổng KP SNKH được cấp}}$	$\text{ĐKQ}_1 = \frac{QKĐ}{TNK}$
2	<b>NTĐ:</b> Năng lực thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Là khả năng triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN của cán bộ của đơn vị	$NTĐ = \sum_{i=1}^4 \text{ĐTL}_i * \text{HSL}_i$	$\text{ĐKQ}_2 = \frac{NTĐ}{TNK}$
3	<b>ĐKQ<sub>3</sub>:</b> Năng lực công bố	Là khả năng công bố các ấn phẩm khoa học của cán bộ đơn vị trong năm đánh giá	$\text{ĐKQ}_3 = \sum_{i=1}^{16} \text{AP}_i * \text{HSAP}_i$	$\text{ĐKQ}_3 = \sum_{i=1}^{16} \text{AP}_i * \text{HSAP}_i$
4	<b>ĐKQ<sub>4</sub>:</b> Năng lực được xã hội công nhận (giải thưởng)	Đánh giá dựa trên các giải thưởng mà đơn vị đạt được.	$\text{ĐKQ}_4 = \sum_{i=1}^4 \text{GT}_i * \text{HSGT}_i$	$\text{ĐKQ}_4 = \sum_{i=1}^4 \text{GT}_i * \text{HSGT}_i$
5	<b>ĐKQ<sub>5</sub>:</b> Năng lực tham gia đào tạo SĐH	Đánh giá dựa trên số học viên mà đơn vị tham gia đào tạo được công nhận.	$\text{ĐKQ}_5 = \sum_{i=1}^3 \text{ĐT}_i * \text{HSĐT}_i$	$\text{ĐKQ}_5 = \sum_{i=1}^3 \text{ĐT}_i * \text{HSĐT}_i$
6	<b>ĐKQ<sub>6</sub>:</b> Năng lực tạo ra tài sản trí tuệ	Đánh giá dựa trên số tài sản trí tuệ được công nhận.	$\text{ĐKQ}_6 = \sum_{i=1}^4 \text{TSTT}_i * \text{HSTSTT}_i$	$\text{ĐKQ}_6 = \sum_{i=1}^4 \text{TSTT}_i * \text{HSTSTT}_i$
7	<b>NCC:</b> Năng lực chuyển giao công nghệ (CGCN)	Tỷ lệ giữa giá trị CGCN trên tổng kinh phí SNKH được cấp	$NCG = \frac{\text{Giá trị CGCN}}{\text{Tổng KP SNKH được cấp}}$	$\text{ĐKQ}_7 = \frac{NCG}{TNK}$
8	<b>NHT:</b> Năng lực hợp tác trong nước	Khả năng thu hút nguồn kinh phí cho hoạt động KH&CN từ các tổ chức trong nước	$NHT = \frac{\text{Tổng KP huy động trong nước}}{\text{Tổng KP SNKH được cấp}}$	$\text{ĐKQ}_8 = \frac{NHT}{TNK}$
9	<b>NHQ:</b> Năng lực hợp tác quốc tế	Khả năng thu hút nguồn kinh phí cho hoạt động KH&CN từ các tổ chức nước ngoài	$NHQ = \frac{\text{Tổng KP huy động ngoài nước}}{\text{Tổng KP SNKH được cấp}}$	$\text{ĐKQ}_9 = \frac{NHQ}{TNK}$
10	<b>NĐV:</b> Năng lực tự chủ của đơn vị	Khả năng tự đầu tư kinh phí cho hoạt động KHCN của đơn vị	$NĐV = \frac{\text{Tổng KP huy động từ đơn vị}}{\text{Tổng KP SNKH được cấp}}$	$\text{ĐKQ}_{10} = \frac{NĐV}{TNK}$
11	<b>HN:</b> Hiệu năng nghiên cứu	Thể hiện kết quả hoạt động KH&CN do 01 đơn vị nhân lực KH&CN tạo ra trong năm	$HN = \frac{\text{ĐQĐ}}{TNK}$	
12	<b>HQ:</b> Hiệu quả KH&CN	Thể hiện mức đầu tư để tạo ra 01 đơn vị sản phẩm KH&CN	$HQ = \frac{\text{ĐQĐ}}{\text{Tổng KP KH\&CN}}$	